

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẾN LÚC  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 24-5-2018  
“V/v Ly hôn giữa chị L và anh  
L”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Thúy

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Mai Văn To

2. Ông Huỳnh Kim Thái Long

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thúy Hồng –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Lan Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Ngọc L, sinh năm 1980

Địa chỉ cư trú: Số 325 N, khu phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

*Bị đơn:* Anh Huỳnh Hoàng Tâm L, sinh năm 1977

Địa chỉ cư trú: Ấp 1A, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

(Chị L, anh L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2018, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc L trình bày:*

Về hôn nhân: Do quen biết và được hai bên gia đình đồng ý nên vào năm 2000 chị và anh Huỳnh Hoàng Tâm L đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 07/02/2001. Do phát sinh mâu thuẫn nên đến năm 2014 chị yêu cầu ly hôn với anh L và đã được Toà án nhân dân huyện Bến Lức giải quyết ly hôn. Sau đó, chị và anh L hàn gắn được tình cảm

vợ chồng và để thuận tiện cho con gái đi du học nên chị và anh L đi đăng ký kết hôn lại và được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B cấp giấy chứng nhận kết hôn vào 07/7/2017. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến tháng 01/2018 thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị và anh L đã sống ly thân nhau từ tháng 4/2018 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, chị và anh L có hai con chung tên Huỳnh Phạm Ngọc Tsinh ngày 26/01/2002 và Huỳnh Phạm Ngọc T, sinh ngày 21/9/2003. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai cháu Huỳnh Phạm Ngọc T và Huỳnh Phạm Ngọc T2, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị không tranh chấp về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Quá trình chung sống, chị và anh L không có nợ chung.

*Tại bản tự khai ghi ngày 04/5/2018, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Huỳnh Hoàng Tâm L trình bày:*

Về hôn nhân: Qua lời trình bày của chị Phạm Thị Ngọc L về thời gian kết hôn anh thống nhất, về nguyên nhân mâu thuẫn anh cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn vì anh có tình cảm với người phụ nữ khác, ngoài nguyên nhân nêu trên thì anh và chị L không còn nguyên nhân mâu thuẫn nào khác để dẫn đến ly hôn. Anh và chị L đã ly thân nhau từ tháng 4/2018 đến nay. Nay anh xét thấy vẫn còn tình cảm với vợ và thương con nên trước yêu cầu ly hôn của chị L anh không đồng ý.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, anh và chị L có hai con chung tên Huỳnh Phạm Ngọc T, sinh ngày 26/01/2002 và Huỳnh Phạm Ngọc T2, sinh ngày 21/9/2003. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, anh cũng đồng ý để chị L được trực tiếp nuôi hai cháu Huỳnh Phạm Ngọc T và Huỳnh Phạm Ngọc T2, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Anh không tranh chấp về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Quá trình chung sống, anh và chị L không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Về hôn nhân: Xét thấy, Chị L và anh L cùng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L có tình cảm với người phụ nữ khác, thái độ sống không chung thủy của anh L trong đời sống với chồng làm cho tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh L đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L. Về con chung: Hiện hai con chung Huỳnh Phạm Ngọc T, sinh ngày 26/01/2002 và Huỳnh Phạm Ngọc T2, sinh ngày 21/9/2003 đang sống với mẹ và nguyện vọng của hai con là tiếp tục được sống với mẹ. Do đó, cần giao hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng sau khi chị L và anh L ly hôn. Về tài sản, nợ chung: Do các bên không tranh chấp về tài sản chung và không có nợ chung nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Ngọc L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Hoàng Tâm L. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc L và bị đơn anh Huỳnh Hoàng Tâm L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L và anh L.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[3] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc L và anh Huỳnh Hoàng Tâm L có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/7/2017 (Giấy đăng ký số 104) nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh L là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của Loan, thấy rằng: Chị Phạm Thị Ngọc L trình bày cuộc sống chung của vợ chồng chị không hạnh phúc là do do anh L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị L và anh L đã không còn chung sống từ khoảng tháng 4 năm 2018 cho đến nay. Anh L cũng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn như lời trình bày của chị L và xác định vợ chồng hiện không còn chung sống với nhau. Tuy nhiên, anh vẫn còn tình cảm với vợ và thương con nên trước yêu cầu ly hôn của chị L anh không đồng ý. Xét thấy, chị L và anh L cùng thừa nhận vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, cùng thống nhất nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, việc không chung thủy của anh L trong đời sống vợ chồng cho thấy một trong hai bên hiện đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không còn thiết tha vun đắp cuộc sống chung của vợ chồng, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[5] Về nuôi con chung: Chị L và anh L đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Huỳnh Phạm Ngọc T, sinh ngày 26/01/2002 và Huỳnh Phạm Ngọc T2, sinh ngày 21/9/2003. Khi ly hôn, chị L yêu

cầu được trực tiếp nuôi hai cháu Ngọc T và Ngọc T2, anh L cũng đồng ý. Xét thấy, hiện hai cháu Huỳnh Phạm Ngọc T và Huỳnh Phạm Ngọc T2 đang sống với chị L, cuộc sống đã ổn định, khả năng chị L có thể chăm sóc con chung tốt và hơn nữa, nguyện vọng của hai cháu T và T2 là muốn sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường của hai cháu nên giao hai cháu Huỳnh Phạm Ngọc T và Huỳnh Phạm Ngọc T1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng sau khi chị L và anh L ly hôn là phù hợp với Điều 58, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về phần cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên anh Huỳnh Hoàng Tâm L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về chia tài sản, nợ chung: Chị L và anh L thống nhất không tranh chấp về tài sản chung và xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc L về việc “ly hôn” với anh Huỳnh Hoàng Tâm L.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Ngọc L và anh Huỳnh Hoàng Tâm L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Huỳnh Phạm Ngọc T, sinh ngày 26/01/2002 và cháu Huỳnh Phạm Ngọc T2, sinh ngày 21/9/2003 cho chị Phạm Thị Ngọc L được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị Ngọc L không yêu cầu anh Huỳnh Hoàng Tâm L cấp dưỡng nuôi con. Anh Huỳnh Hoàng Tâm L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006415 ngày 19/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Chị L đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Phạm Thị Ngọc L, anh Huỳnh Hoàng Tâm L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- UBND thị trấn Bến Lức;
- THA huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh Thúy**